

Từ vựng khi [học tiếng Trung](#) về chủ đề công xưởng là chủ đề được rất nhiều người quan tâm, đặc biệt là những ai có ý định làm việc trong các nhà máy, công xưởng của công ty Trung Quốc.

Xem thêm tài liệu [học tiếng trung online Zhong Ruan](#) biên soạn

TỪ VỰNG TIẾNG TRUNG VỀ CHỦ ĐỀ CÔNG XƯỞNG

Từ vựng tiếng Trung về chủ đề công xưởng là chủ đề được rất nhiều người quan tâm, đặc biệt là những ai có ý định làm việc trong các nhà máy, công xưởng của công ty Trung Quốc. Hiểu được điều đó, trong bài viết hôm nay, tiếng Trung Online Zhong Ruan gửi đến các bạn nội dung từ vựng về chủ đề công xưởng, nhà máy nhé!

1. Các câu giao tiếp thông dụng tại công xưởng

- Chào hỏi cấp trên

....., 您好！ /, nín hǎo!

VD: 陈 经理, 您好! (Xin chào giám đốc Trần)

王厂长, 您好！ (Chào quản đốc Vương)

....., 早上/中午/下午好！ /, zǎoshang / zhōngwǔ / xiàwǔ hǎo!

(Chào buổi sáng / buổi trưa, buổi chiều)

VD: 赵经理, 中午好！ (Chào buổi sáng, giám đốc Triệu)

- Xin nghỉ phép

— —, 我明天想请假 /, wǒ míngtiān xiǎng qǐngjià

(Tôi xin nghỉ phép nghỉ việc vào ngày mai)

VD: 王经理, 我 家里有一件急事, 我今天想请假

Chén jīnglǐ, Wǒ jiā li yǒuyī jiàn jíshì, suǒyǐ wǒ jīntiān xiǎng qǐngjià

(Giám đốc Trần, tôi bận chút việc gia đình nên xin phép nghỉ ngày hôm nay.)

王经理, 我噢感冒了, 要去看医生, 所以我今天想请假/....., Wáng jīnglǐ, wǒgǎnmàole, yào qù kàn yīshēng, suǒyǐ wǒ jīntiān xiǎng qǐngjià

Giám đốc Vương, tôi bị cảm mạo, cần đi khám nên tôi xin phép nghỉ làm hôm nay.

– 陈经理, 我想请产, 丧假, 婚嫁, 。。。 / Chén jīnglǐ, wǒ xiǎng qǐng chǎn, sàng jiǎ, hūnjià,...

Giám đốc Trần, tôi muốn xin nghỉ thai sản, tang lễ, kết hôn,...

- Xin đến muộn

– 老板, 请允许我今天要晚三十分钟 / Lǎobǎn, qǐng yǔnxǔ wǒ jīntiān yào wǎn sānshí fēnzhōng (Sếp ơi, hôm nay cho phép tôi đến muộn 30 ą)

– 请允许我来晚一个小时好吗 ? / Qǐng yǔnxǔ wǒ lái wǎn bàn ǎ xiǎoshí hǎo ma?

(Xin phép cho tôi đến muộn một tiếng được không?)

- Xin thôi việc

– 在公司工作一年中, 我学到了很多知识与技能。但是, 出于个人原因提出辞职, 望领导批转。 \ Zài gōngsī gōngzuò yī nián zhōng, wǒ xué dào le hěnduō zhīshì yǔ jìnéng. Dànshì, chū yú gèrén yuányīn tíchū cízhí, wàng lǐngdǎo pīzhǔn.

(Trong 1 năm làm việc tại công ty, tôi học hỏi được rất nhiều về kiến thức và kỹ năng. Tuy nhiên do một số lý do cá nhân, nay tôi muốn nghỉ việc, mong ban lãnh đạo phê chuẩn.)

– 我一直在努力, 但我觉得这种工作对我不合适。 \ Wǒ yīzhí zài nǔlì, dàn wǒ zhè zhǒng gōngzuò duì wǒ bù héshì.

(Tôi vẫn luôn cố gắng, nhưng tôi nghĩ mình không phù hợp với công việc này)

2. Một số câu giao tiếp thường dùng khác

小心 – Xiǎoxīn – Cẩn thận

注意安全 – Zhùyì ānquán – Chú ý an toàn

请带上安全带 – Qǐng dài shàng ānquán dài – Vui lòng thắt dây an toàn

早班八点开始 – Zǎo bān bā diǎn kāishǐ – Ca làm buổi sáng bắt đầu từ 8h sáng

该下班了- Gāi xiàbānle – Đến giờ tan làm rồi

累了吗 – Lèile ma – Đã mệt chưa

今天又得加班了- Jīntiān yòu děi jiābānle – Hôm nay lại phải tăng ca rồi

老板的心情最近不好 – Lǎobǎn de xīnqíng zuìjìn bù hǎo – Đạo này tâm trạng của sếp không tốt lắm

老板在美国出差 – Lǎobǎn zài měiguó chūchāi – Sếp đang đi công tác ở Mỹ

他最近总是迟到 – Tā zuìjìn zǒng shì chídào – Anh ta đạo này luôn đến muộn

迟到五分钟会被罚款 – Chídào wǔ fēnzhōng huì bèi fákuǎn – Đến muộn 5 phút sẽ bị phạt

开会时不接借电话 – Kāihuìshí bùnéng jiē diànhuà – Trong lúc họp không được nghe điện thoại

3. Từ vựng về tiếng Trung dùng cho công xưởng, nhà máy

Các bạn tải bản word hoàn chỉnh của tài liệu này ở đây nhé:

<https://drive.google.com/file/d/1AWiNdx6Goe2qpl4M4STzklRUA4sT5Phy/view?usp=sharing>

Kênh học tập của Zhong Ruan:

<https://www.youtube.com/channel/UCKl72UnAwaT8tOazwdXdQdQ>

Kênh học tập Zalopage: <https://zalo.me/1213287375100426352>

Bài tiếp theo:

<https://zhongruan.edu.vn/hoc-tieng-trung-online-cap-toc-1622082209.html>

Hotline: 0979949145. Cô Chung

Email: tiengtrungzhongruan@gmail.com

Facebook: <https://www.facebook.com/tiengtrungonlinezhongruan>

Website: <https://zhongruan.edu.vn>